TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 291/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6-2025.
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngân

Bà Bùi Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Như Quỳnh - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên toà

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2025/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 315/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Bạch K, sinh năm 1973; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Số I, đường N, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Đường S, thị trấn M, thành phố L, bang S, CHLB Đ. Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt được hợp pháp hoá của Đ1 tại CHLB Đ).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1994; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Xóm Y, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Thành phố B, bang N - W, CHLB Đ - Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt được hợp pháp hoá của Đ1 tại CHLB Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai (có chứng thực của Đ1 tại CHLB Đ), nguyên đơn chị Phạm Thị Bạch K trình bày:

Chị Phạm Thị Bạch K và anh Nguyễn Minh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 12/12/2016 theo giấy chứng nhận kết hôn số 195/KH do Đ1 tại CHLB Đ cấp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Sau thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm nên hai vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Nay chị Phạm Thị Bạch K xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên chị Phạm Thị Bạch K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Phạm Thị Bạch K hiện đang cư trú và làm việc tại thị trấn M, thành phố L, bang S, CHLB Đ, do đi lại khó khăn không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1976; địa chỉ: Số C N, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An thay mặt chị K nộp đơn khởi kiện, tài liệu, tạm ứng án phí và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, chị K đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

2. Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Minh T:

Theo bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt (có chứng thực của Đ1 tại CHLB Đ), bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như chị Phạm Thị Bạch K trình bày là đúng. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nên chị K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên anh Nguyễn Minh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T hiện đang cư trú ở CHLB Đ nên không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn và anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Bạch K và anh Nguyễn Minh T hiện đang cư trú tại hợp pháp tại C; trước khi xuất cảnh anh T có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 35, Điều 37, Điều 40, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Vụ án Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Phạm Thị Bạch K và anh Nguyễn Minh Tăng A có bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt được Đ1 tại CHLB Đ gửi về cho Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Bạch K và anh Nguyễn Minh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn; sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau nên đã sống ly thân. Chị K có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh Nguyễn Minh T có văn

bản đồng ý. Vì vậy, căn cứ Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa anh H và chị H1.

[4] Về con chung: Vợ chồng không có con chung không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Bạch K và anh Nguyễn Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị K thoả thuận chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 37; Điều 39; Điều 147; Điều 207; Điều 228; Điều 273; Điều 469; Điều 478 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Bạch K và anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung và không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Bạch K và anh Nguyễn Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Bạch K phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo B lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007800 ngày 09/5/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Số tiền còn lại 150.000 đồng trả cho chị Phạm Thị Bạch K.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Bạch K và anh Nguyễn Minh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh